

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024**

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHQG ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-XHNV-SDH ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn ban hành Quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ;

Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ năm 2024 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về việc tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2024 như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

**1. Xét tuyển thẳng**

Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định Mục V của thông báo này, gồm một trong những đối tượng sau:

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy (hoặc trình độ tương đương trở lên) với chương trình đào tạo từ 150 tín chỉ trở lên tốt nghiệp đúng thời hạn theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành;

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước).

Thời gian tuyển thẳng tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

**2. Xét tuyển**

- Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển. Đối với ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, thí sinh có thêm điều kiện sau:



+ Tốt nghiệp đại học chính quy, điểm 3 môn học: Academic writing, Linguistics và Teaching methodology đạt 8 điểm trở lên trong chương trình đại học;

+ Thời gian xét tuyển tối đa là 24 tháng tính từ ngày ký văn bằng tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Người tham gia chương trình liên thông từ trình độ đại học lên trình độ thạc sĩ;

- Người nước ngoài đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực tiếng Việt bậc 4 trở lên.

\* Người đăng ký xét tuyển phải tham gia phỏng vấn trước tiêu ban chuyên môn. Người đăng ký xét tuyển chưa đáp ứng chuẩn ngoại ngữ đầu vào phải dự thi ngoại ngữ.

### 3. Thi tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển

Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên). Thí sinh dự tuyển các ngành có yêu cầu viết bài luận, xem chủ đề bài luận *tai đây* hoặc vào website Phòng Quản lý đào tạo mục Tuyển sinh -> Sau đại học -> Chủ đề bài luận tuyển sinh cao học.

\* Khi nộp hồ sơ dự tuyển, người Việt Nam có văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng - BGDĐT. Thông tin về đăng ký văn bằng do nước ngoài cấp xem tại đường link: <https://cnvb.wordpress.com/>

## II. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Các ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu (dự kiến)	Môn thi tuyển trình độ Thạc sĩ			Hình thức thi tuyển	Ghi chú
			Ngoại ngữ (NN)	Cơ bản (CB)	Cơ sở (CS)		
1.	Báo chí học	25		Lý luận báo chí và truyền thông	Tác phẩm và thể loại báo chí	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
2.	Châu Á học	30		Lịch sử văn minh phương Đông	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
3.	Công tác xã hội	25		Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
4.	Dân tộc học	15	Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung,	Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính



5.	Du lịch	25	Nhật, Hàn (riêng Ngành LL&PP DHTA không thi tiếng Anh, Ngành Ngôn ngữ Pháp không thi tiếng Pháp, ngành Ngôn ngữ Nga không thi tiếng Nga)	Đại cương khoa học du lịch	Kinh tế du lịch	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính	
6.	Đô thị học	15		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
7.	Địa lý học	25		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
8.	Giáo dục học	20		Giáo dục học	Lý thuyết học tập	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính	
9.	Hán Nôm	15		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
10.	Hàn Quốc học	35		Đại cương văn hoá phương Đông	Văn hoá Hàn Quốc	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính	
11.	Khảo cổ học	15		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
12.	Khoa học thư viện	15		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
13.	Lịch sử thế giới	15		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
14.	Lịch sử Việt Nam	25		Xét hồ sơ + Bài luận			Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài



15.	Lưu trữ học	25
16.	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh	50
17.	Lý luận văn học	15
18.	Ngôn ngữ học	30
19.	Ngôn ngữ Nga	10
20.	Ngôn ngữ Pháp	15
21.	Nhân học	15
22.	Quan hệ quốc tế	35
23.	Quản lý giáo dục	40

			giờ hành chính
	Xét hồ sơ + Bài luận	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Language Proficiency (Năng lực ngôn ngữ)	TESOL Methodology (Phương pháp dạy học tiếng Anh) Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: trắc nghiệm Môn Cơ sở: tự luận	
	Xét hồ sơ + Bài luận	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Xét hồ sơ + Bài luận	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Xét hồ sơ + Bài luận + Phỏng vấn	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	
	Xét hồ sơ + Bài luận + Phỏng vấn	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Xét hồ sơ + Bài luận	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Lịch sử quan hệ quốc tế	Chính sách đối ngoại Việt Nam Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
	Giáo dục học	Khoa học quản lý giáo dục Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính



24.	Tâm lý học lâm sàng	25	Các lý thuyết và kỹ thuật tham vấn tâm lý	Tâm lý học nhân cách	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: trắc nghiệm + tự luận; Môn Cơ sở: trắc nghiệm + tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
25.	Triết học	35	Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
26.	Văn hóa học	30	Văn hoá học đại cương	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp Môn Cơ bản: tự luận Môn Cơ sở: tự luận	Đào tạo ngoài giờ hành chính
27.	Văn học nước ngoài	15	Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
28.	Văn học Việt Nam	20	Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
29.	Việt Nam học	25	Xét hồ sơ + Bài luận + Phỏng vấn		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính
30.	Xã hội học	20	Xét hồ sơ + Bài luận		Môn NN: trắc nghiệm + tự luận + vấn đáp	Đào tạo ngoài giờ hành chính

\* Chi tiêu theo từng ngành có thể thay đổi tùy theo số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển.

### III. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Ngày thi: 18 và 19 tháng 5 năm 2024.
- Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: 01 tháng sau ngày thi.
- Thời gian đào tạo: 02 năm, khai giảng vào tháng 08 năm 2024.

### IV. CHƯƠNG TRÌNH BỔ SUNG KIẾN THỨC

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải học bổ sung kiến thức theo quy định.



\* Danh mục ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác và môn học bổ sung kiến thức: xem tại đây hoặc vào website Phòng Quản lý đào tạo/Tuyển sinh/Sau đại học/Danh mục ngành phù hợp, gần, khác và môn học bổ sung kiến thức.

#### V. ĐIỀU KIỆN MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ khi đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đề án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận;

- Có chứng chỉ B1 của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

- Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cụ thể:

#### Tiếng Anh:

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)
Bậc 3	4.5	460 ITP 40 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)

#### Ngoại ngữ khác:

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn



Bậc 3	TPKH-1	DELFB1 TCFB1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N4 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
-------	--------	-----------------	---	-----------	--	------------------

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các CSĐT cấp trong thời gian không quá 2 năm và thí sinh đã có văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ theo điểm a) của Mục này.

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đơn vị được tổ chức đánh giá năng lực tiếng Việt gồm: các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành Văn học, Sư phạm Ngữ văn, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; các đơn vị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài) hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

*\*Lưu ý: Chứng chỉ ngoại ngữ có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự tuyển.*

## VI. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

### 1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### 2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 1 (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10% trên tổng điểm môn ngoại ngữ và cộng 10% trên tổng điểm một môn thi (thang điểm 10).

## VII. PHÁT HỒ SƠ, BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN TẬP CHUẨN BỊ THI TUYỂN

### 1. Phát và nhận hồ sơ dự tuyển



- **Hồ sơ tuyển thẳng, xét tuyển:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày **10/4/2024**;
- **Hồ sơ thi tuyển, kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày **29/4/2024**.

Thí sinh tải hồ sơ dự tuyển cao học *tại đây* hoặc tại website Phòng Quản lý đào tạo (<https://hcmussh.edu.vn/qldt>) trong mục Tuyển sinh -> Sau đại học -> Biểu mẫu tuyển sinh -> Hồ sơ đăng ký dự tuyển cao học. Sau khi hoàn thành Hồ sơ dự tuyển, thí sinh đăng nhập vào đường dẫn (<https://hcmussh.edu.vn/sdh/dkts>) nhập hồ sơ dự tuyển và nộp hồ sơ bản giấy về Phòng Quản lý đào tạo.

## 2. Các lớp bổ sung kiến thức

Dành cho thí sinh tốt nghiệp ngành gần, ngành khác (**Chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng kí. Những thí sinh thuộc diện bổ sung kiến thức nên đăng kí sớm**).

- Thời gian đăng ký: **04/3/2024 – 15/3/2024**;
- Thời gian học (dự kiến): **16/3/2024 – 16/4/2024**.

## 3. Các lớp ôn tập khai giảng từ 15/4/2024 đến 15/5/2024

Thí sinh vui lòng xem thời khoá biểu ôn tập *tại đây* hoặc liên hệ với Trung tâm Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực của Trường ĐH KHXH&NV để đăng ký ôn tập:

- **Địa chỉ:** Phòng K.005, s 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM;
- **Điện thoại:** (028) 38 232 748;
- **Website:** [hrc.hcmussh.edu.vn](http://hrc.hcmussh.edu.vn)

### • Lưu ý:

- Thí sinh không được rút hồ sơ sau khi đã nộp;
- Thí sinh không được hoàn tiền ôn tập, bổ sung kiến thức sau khi có thông báo mở lớp.

## VIII. LỆ PHÍ – HỌC PHÍ

- **Lệ phí hồ sơ:** 50.000 đ;
- **Lệ phí tuyển sinh:** 1.100.000 đ/thí sinh;
- **Lệ phí phúc khảo:** 100.000 đ/môn thi;
- **Học phí bổ sung kiến thức:** 600.000 đ/01 tín chỉ.

### \* Mọi chi tiết xin liên hệ:


Phòng Quản lý đào tạo – bộ phận Sau đại học, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG-HCM.

Phòng B.101A, số 10 – 12 Đinh Tiên Hoàng, P. Bến Nghé, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.3910.0221 - 121; Email: [saudaihoc@hcmussh.edu.vn](mailto:saudaihoc@hcmussh.edu.vn)

Website: <https://hcmussh.edu.vn/qldt>

### Nơi nhận:

- Thí sinh dự tuyển;
- Lưu: HC-TH, QLĐT 



Phạm Tấn Hạ